

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

***Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhanh
Ông Trần Ngọc Thực.***

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ
Văn Hiếu*** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến
Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý
số: 315/2019/TLST-DS, ngày 14 tháng 5 năm 2019, về việc: “Tranh chấp thừa
kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 2440/2023/QĐ-ST
ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953 (Có mặt).

Địa chỉ: 80/30 đường K (số cũ: 332/177 đường J), Phường F, quận G,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy quyền ông Đỗ Chí H1, sinh năm 1979 - Đại diện (Có mặt).
Cùng địa chỉ trên.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 80/28/50 Đường K (số cũ: 332/195/4A Đường J), Phường F, quận
G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy quyền ông Đặng Công M, sinh năm 1997 và bà Đặng Quỳnh Phương
H3, sinh năm 1994 - Đại diện (Có mặt).

Cùng địa chỉ trên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959;

Địa chỉ: 71 King St East Hamilton, Ontario L8N - 1A5, Canada.

3.2. Ông Nguyễn Vĩnh C, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 310 Lolita Gardens Miss, Ontario LSA - 3K8, Canada.

Ông C và bà L ủy quyền ông Đỗ Chí H1, sinh năm 1979 - Đại diện (Có mặt).
Địa chỉ: 80/30 Đường K (số cũ: 332/177 Đường J), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956;

3.4. Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1977;

3.5. Ông Nguyễn Quang P, sinh năm 1979;

3.6. Bà Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: 80/30 Đường K (số cũ: 332/177 đường J), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T, ông Q, ông P và bà T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.7. Ông Đỗ Chí H1, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: 80/30 Đường K (số cũ: 332/177 đường J), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2019, bản tự khai, Biên bản hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Văn H ủy quyền ông Đỗ Chí H1 trình bày: Nguồn gốc căn nhà 332/177 Đường J (số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh do ba ông Nguyễn Văn H là ông Nguyễn Văn X1 và mẹ là bà Trần Thị V tạo lập. Ông X1 và bà V có tất cả có 05 người con chung, gồm: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Vĩnh C và Nguyễn Thị M1 (chết năm 1993, khi chết không có chồng, con).

Từ nhỏ ông H sống cùng gia đình tại nhà 332/177 Đường J (số mới: 80/30 Đường K). Năm 1987 ông X1 chết. Năm 1998 bà V chết. Ông X1 và bà V chết không để lại di chúc.

Năm 1996, do căn nhà 332/177 Đường J bị hư hỏng nên ông H bỏ tiền ra sửa chữa lại căn nhà cho mẹ ông H cùng ở, chi phí sửa chữa nhà khoảng 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Năm 2018, ông H sửa nhà lần 2, như nâng nền, ốp tường, sửa cửa... chi phí khoảng 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng). Nay, nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế căn nhà 332/177 Đường J (số mới 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật; Yêu cầu tính công sức của ông H trong việc đóng góp, tôn tạo, giữ gìn di sản của cha, mẹ để lại. Nguyên đơn yêu cầu được nhận hiện vật và thanh toán kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế.

Tại bản tự khai ngày 24/6/2019 của bà Nguyễn Thị X và tại Biên bản hòa giải ngày 02/6/2022 bà X ủy quyền ông Đặng Công M và bà Đặng Quỳnh Phương H3 trình bày: Bà Nguyễn Thị X thống nhất với lời trình bày của phía nguyên đơn về nguồn gốc nhà, đất tại địa chỉ 332/177 Đường J (số mới 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ huyết thống của ông X1 và bà V.

Từ nhỏ bà X cùng ở với gia đình ông X1, bà V tại căn nhà 332/177 Đường J. Đến năm 1990, bà X không còn ở tại địa chỉ trên mà về ở tại địa chỉ: 80/28/50 Đường K (số cũ: 332/195/4A Đường J), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X thừa nhận ông H có sửa chữa nhà 332/177 Đường J như hiện trạng

hiện nay. Bà X không có bỏ ra chi phí sửa chữa nhà. Chi phí sửa chữa nhà do ai bỏ ra thì bà X không biết. Nay, bị đơn đồng ý chia thừa kế căn nhà 332/177 Đường J(số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhận hiện vật đối với phần thừa kế của bị đơn. Không đồng ý tính công sức đóng góp của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Vĩnh C ủy quyền ông Đỗ Chí H1 trình bày: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Vĩnh C thống nhất với lời trình bày của phía nguyên đơn về nguồn gốc nhà, đất tại địa chỉ 332/177 Đường J(số mới 80/30 Đường K) và quan hệ huyết thống của ông X1 và bà V. Bà L và ông C đồng ý chia di sản thừa kế nêu trên theo quy định của pháp luật, đồng ý tính công sức đóng góp của nguyên đơn. Đối với kỷ phần thừa kế của bà L và ông C thì bà L, ông C tặng cho ông Đỗ Chí H1 với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Duy Q, ông Nguyễn Quang P, bà Nguyễn Thị Minh T và ông Đỗ Chí H1 thừa nhận toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Bà T, ông Q, ông P, bà T và ông H1 không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông H ủy quyền ông H1 trình bày: Căn nhà 332/177 Đường J(số mới: 80/30 Đường K) theo Bản vẽ sơ đồ nhà, đất ngày 16/6/2017, có diện tích 115,8 m² được công nhận. Vì vậy, ông H yêu cầu chia thừa kế căn nhà 332/177 Đường J, có diện tích 115,8 m² cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật; Yêu cầu tính công sức của ông H trong việc đóng góp, tôn tạo, giữ gìn di sản của cha, mẹ để lại tương đương với một suất thừa kế. Nguyên đơn yêu cầu được nhận hiện vật và thanh toán kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Ông Nguyễn Văn H thống nhất với lời trình bày của ông H1.

Bị đơn bà X ủy quyền ông M và bà H3 trình bày: Bà X thống nhất di sản của ông X1 và bà V là căn nhà 332/177 Đường J(số mới: 80/30 Đường K) có diện tích 115,8m² được công nhận và đồng ý chia di sản thừa kế này theo quy định của pháp luật. Bà X đồng ý nhận kỷ phần thừa kế, không có yêu cầu nhận hiện vật, do không đủ diện tích tách thửa. Không đồng ý tính công sức đóng góp cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà L và ông C ủy quyền ông H1 trình bày: Bà L và ông C có cùng lời trình bày của nguyên đơn, thống nhất di sản của ông X1 và bà V là căn nhà 332/177 Đường J có diện tích được công nhận là 115,8 m² và đồng ý chia di sản thừa kế này theo quy định của pháp luật và xin nhận giá trị. Bà L và ông C đồng ý tính công sức đóng góp cho nguyên đơn. Kỷ phần thừa kế của bà L và ông C trong căn nhà này thì bà L, ông C tặng cho ông H1.

Ông H1 trình bày: Bà L và ông C tặng cho kỷ phần thừa kế của bà L và ông C trong căn nhà 332/177 Đường J thì ông đồng ý nhận. Ông xin nhận giá trị.

Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Duy Q, ông Nguyễn Quang P và bà Nguyễn Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định căn nhà 332/177 Đường J (số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với diện tích đất được công nhận 115,8m² là di sản thừa kế của ông X1 và bà V chết để lại và chia thành 05 kỷ phần, cụ thể: Ông H được hưởng 02 kỷ phần (trong đó ông H được hưởng 01 kỷ phần thừa kế và 01 kỷ phần do ông H có công gìn giữ, bảo quản di sản), bà X được hưởng 01 kỷ phần và ông H1 được nhận 02 kỷ phần (do bà L và ông C tặng cho kỷ phần thừa kế của bà L và ông C cho ông Hiệp). Ông H được sở hữu nhà và thanh toán lại kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị X yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn X1 và bà Trần Thị V chết để lại căn nhà 332/177 Đường J (số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Vĩnh C hiện cư trú tại Canada. Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp thừa kế tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Vĩnh C ủy quyền ông Đỗ Chí H1; Bà Nguyễn Thị X ủy quyền ông Đặng Công M và bà Đặng Quỳnh Phương H3, việc ủy quyền này phù hợp với Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang P, ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị Minh T xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì phiên tòa vẫn được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H yêu cầu chia thừa kế căn nhà 332/177 Đường J(số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu chia công sức đóng góp tôn tạo, giữ gìn di sản của ông Nguyễn Văn X1 và bà Trần Thị V chết để lại tương đương với một suất thừa kế.

[5] Tại Công văn số:2524/CVGV ngày 02/10/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: “...Căn nhà 332/177 thuộc đường J, Phường 5, quận G do bà Trần Thị V và ông Nguyễn Văn X1 (chết 1987) đứng tên theo Giấy phép Hợp thức hóa nhà (xây cất năm 1970) số:1698/GP-UBQ ngày 27/9/1998 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp...”, Công văn số:446/CN-UBND ngày 18/3/2016 của Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: “...Chúng nhận sổ nhà cho ông Nguyễn Văn H sử dụng. Được mang số: 80/30 đường K, phường 5, quận G. Thay cho số nhà cũ: 332/177 đường J, Phường 5, quận G...” và khai nhận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy có căn cứ xác định căn nhà 332/177 Đường J(số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông X1 và bà V để lại cho các con.

[5.1] Ông X1 và bà V có tất cả 05 người con chung, gồm: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Vĩnh C, và bà Nguyễn Thị M (chết năm 1993, không có chồng, con), không có người con riêng, con nuôi nào.

[5.2] Năm 1987, ông X1 chết. Năm 1998, bà V chết. Ông X1 và bà V chết không để lại di chúc. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông X1, bà V là những người con nêu tại mục [5.1].

[5.3] Tại phiên tòa các đương sự xác định di sản của ông X1 và bà V là căn nhà 332/177 Đường J(số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Bản vẽ sơ đồ nhà, đất ngày 16/6/2017 do Công ty TNHH Đo Đặc xây dựng BTH lập, có diện tích 115,8 m² được công nhận. Do vậy, các đương sự thống nhất yêu cầu chia thừa kế diện tích 115,8m² cho các đồng thừa kế và căn cứ vào giá trị quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng theo Chứng thư thẩm định giá số:4191221/CT-TV ngày 29/12/2021 của Công ty Cổ phần Định giá và Đầu tư Bất động sản Thịnh Vượng để chia kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5.4] Theo Bản vẽ sơ đồ nhà, đất ngày 16/6/2017 do Công ty TNHH Đo Đặc xây dựng BTH lập, thể hiện nhà, đất tại địa chỉ 332/177 Đường J (số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc một phần thửa đất số 6, tờ bản đồ số 98, diện tích là 238,5m² (trong đó phần diện tích được công nhận là 115,8m²; Phần diện tích đất không công nhận là 122,7m²). Trong phần đất được công nhận là 68,1m² đất ở ngoài phạm vi quy hoạch và diện tích 47,7m² đất ở trong vi pHm được công nhận.

[5.5] Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số:4191221/CT-TV ngày 29/12/2021 của Công ty Cổ phần Định giá và Đầu tư Bất động sản Thịnh Vượng

thì giá trị quyền sử dụng đất ở ngoài pHm vi quy hoạch là $68.10m^2 \times 68.043.307$ đồng/m² = 4.633.749.207 đồng; Giá trị quyền sử dụng đất ở trong phạm vi quy hoạch được công nhận là $47,70m^2 \times 47.630.315$ đồng/m² = 2.271.966.021 đồng; Giá trị công trình xây là 696.090.885 đồng. Tổng cộng: 7.601.806.112 đồng (4.633.749.207 đồng + 2.271.966.021 đồng + 696.090.885 đồng).

[6] Trong quá trình thu thập chứng cứ, phía nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận từ nhỏ ông H và bà X ở tại căn nhà 332/177 Đường J cho đến năm 1990 bà X lấy chồng về nhà số 332/195/4A đường J (số mới: 80/28/50 đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh sống cho đến nay.

[7] Phía ông H khai năm 1996, do nhà 332/177 Đường J bị hư hỏng nên ông H bỏ tiền ra sửa chữa lại căn nhà cho mẹ ông H cùng ở, chi phí sửa chữa nhà khoảng 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Năm 2018, ông H sửa nhà lần 2, như nâng nền, ốp tường, sửa cửa ... chi phí khoảng 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng). Phía bị đơn thừa nhận ông H có sửa chữa nhà 332/177 Đường J như hiện trạng hiện nay, bà X không bỏ ra chi phí sửa chữa nhà. Chi phí sửa chữa nhà do ai bỏ ra thì bà X không biết (Bút lục số 256 - 257). Tuy nhiên, tại phiên tòa ông M và bà Hạnh đại diện theo ủy quyền bị đơn bà X, phủ nhận việc ông H có sửa chữa 332/177 Đường J và cho rằng chi phí sửa chữa do bà X bỏ ra.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của bị đơn cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có lời khai bất nhất nguồn tiền, chi phí sửa chữa nhà nêu trên. Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ngày 02/6/2022 bị đơn thừa nhận ông H có sửa chữa căn nhà 332/177 Đường J và chi phí sửa chữa nhà do ông H bỏ ra; Mặt khác, căn cứ vào các Hóa đơn bán lẻ năm 2018 của Cửa hàng Vật liệu Xây Dựng số 9 và Cửa hàng Vật liệu Ngọc Sương đều do ông H là người thanh toán, do đó, có cơ sở xác định chi phí sửa chữa lại căn nhà 332/177 Đường J, do ông H bỏ ra.

[9] Như phân tích trên, ông H là người gìn giữ, tôn tạo di sản thừa kế nêu trên nên yêu cầu tính công sức đóng góp tôn tạo, giữ gìn di sản của ông H tương đương với một suất thừa kế là có căn cứ nên được chấp nhận.

[10] Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế căn nhà 332/177 Đường J (số mới 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích là 115,8m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà, đất ngày 16/6/2017 do Công ty TNHH Đo Đặc xây dựng BTH lập, được chia làm 05 phần. Trong đó, bà X, ông C, bà L mỗi người được hưởng 01 phần thừa kế. Ông H được hưởng 02 phần thừa kế (Gồm 01 phần thừa kế và 01 phần thừa kế do có công sức đóng góp tôn tạo, giữ gìn di sản). Bà X, ông C và bà L mỗi người được hưởng 1/5 giá trị căn nhà, tương đương là 1.520.361.222 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi một ngàn hai trăm hai mươi hai đồng). Ông H được hưởng 2/5 giá trị căn nhà, tương đương là 3.040.722.444 đồng (Ba tỷ không trăm bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

[11] Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, ông C và bà L đồng ý tặng cho phần thừa kế của ông C và bà L cho ông H1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, ông H1 được nhận phần thừa kế của bà L là 1.520.361.222 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi một ngàn hai trăm hai mươi hai đồng) và phần thừa kế của ông C là 1.520.361.222 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi một ngàn hai trăm hai mươi hai đồng). Tổng cộng 3.040.722.444 đồng (Ba tỷ không trăm bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

[12] Tại phiên tòa, ông H yêu cầu được nhận căn nhà 332/177 Đường J (số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích được công nhận là 115,8m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà, đất ngày 16/6/2017 do Công ty TNHH Do Đặc xây dựng BTH lập và hoàn lại kỷ phần thừa kế nêu trên cho các đồng thừa kế. Phía bà X, bà L và ông C đồng ý. Do vậy, giao căn nhà 332/177 Đường J (số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích được công nhận là 115,8m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà, đất ngày 16/6/2017 do Công ty TNHH Do Đặc xây dựng BTH lập cho ông H được quyền sở hữu và ông H có nghĩa vụ hoàn lại tiền cho các đồng thừa kế theo kỷ phần được chia tại mục [10] và [11] nêu trên.

[13] Sau khi hoàn lại số tiền nêu tại mục [10] và [11] cho mỗi đồng thừa kế nêu trên, ông H được quyền liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng bộ, sang tên cho mình theo quy định của pháp luật đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đối với diện tích được công nhận là 115,8m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 332/177 Đường J (số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH Do Đặc xây dựng BTH lập ngày 16/6/2017.

[14] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa là có cơ sở chấp nhận.

[15] Về chi phí lập bản vẽ, thẩm định tại chỗ, định giá, thẩm định giá do ông H tự nguyện chịu. Ông H đã nộp đủ.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Chứng thư thẩm định giá số: 4191221/CT-TV ngày 29/12/2021 của Công ty Cổ phần Định giá và Đầu tư Bất động sản Thịnh Vượng thì tổng giá trị đất và nhà tại 332/177 Đường J (số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 115,8 m² được công nhận là 7.601.806.112 đồng (Bảy tỷ sáu trăm lẻ một triệu tám trăm lẻ sáu ngàn một trăm mười hai đồng).

Các đương sự phải chịu án phí trên số tiền được hưởng thừa kế, cụ thể như sau:

Ông H được hưởng là 3.040.722.444 đồng (Ba tỷ không trăm bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) nên phải chịu án phí là 92.814.448 đồng (Chín mươi hai triệu tám trăm mười bốn ngàn bốn trăm bốn mươi tám đồng). Do ông H là người cao tuổi nên được miễn.

Bà X được hưởng là 1.520.361.222 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi một ngàn hai trăm hai mươi hai đồng) nên phải chịu án phí là 57.610.836 đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm mười ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng). Do bà X là người cao tuổi nên được miễn.

Ông H1 được nhận kỷ phần thừa kế của ông C và bà Luyến tặng cho là 3.040.722.444 đồng (Ba tỷ không trăm bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) nên phải chịu án phí là 92.814.448 đồng (Chín mươi hai triệu tám trăm mười bốn ngàn bốn trăm bốn mươi tám đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 634, 674, 675, 676, 683 và Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

1.1. Xác định các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn X1 và bà Trần Thị V là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Vĩnh C.

1.2. Xác định căn nhà 332/177 Đường J(số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc một phần thửa đất số 6, tờ bản đồ số 98, diện tích được công nhận là 115,8m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà, đất ngày 16/6/2017 do Công ty TNHH Đo đạc Xây dựng BTH lập là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn X1 và bà Trần Thị V.

1.3. Giá trị di sản chia thừa kế theo Chứng thư thẩm định giá số:4191221/CT-TV ngày 29/12/2021 của Công ty Cổ phần Định giá và Đầu tư Bất động sản Thịnh Vượng thì giá trị quyền sử dụng đất ở ngoài pHm vi quy hoạch là 68.10m² x 68.043.307 đồng/m² = 4.633.749.207 đồng; Giá trị quyền sử dụng đất ở trong pHm vi quy hoạch được công nhận là 47,70m² x 47.630.315 đồng/m² = 2.271.966.021 đồng; Giá trị công trình xây dựng là 696.090.885 đồng. Tổng cộng: 7.601.806.112 đồng (Bảy tỷ sáu trăm lẻ một triệu tám trăm lẻ sáu ngàn một trăm mười hai đồng).

1.4. Ông Nguyễn Văn H được hưởng thừa kế 1/5 là 1.520.361.222 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi một ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

1.5. Ông Nguyễn Văn H được hưởng công sức đóng góp trong việc tôn tạo, xây dựng, sửa chữa, quản lý di sản, tương đương một suất thừa kế là 1.520.361.222 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi một ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

Tổng cộng ông Nguyễn Văn H được hưởng thừa kế 2/5 là 3.040.722.444 đồng (Ba tỷ không trăm bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

1.6. Bà Nguyễn Thị X được hưởng thừa kế 1/5 là 1.520.361.222 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi một ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

1.7. Bà Nguyễn Thị L được hưởng thừa kế 1/5 là 1.520.361.222 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi một ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

1.8. Ông Nguyễn Vĩnh C được hưởng thừa kế 1/5 là 1.520.361.222 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi một ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Vĩnh C tặng cho phần thừa kế của bà L và ông C tại mục 1.7 và mục 1.8 cho ông Đỗ Chí H1.

3. Ông Đỗ Chí H1 được nhận 2/5 phần thừa kế của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Vĩnh C là 3.040.722.444 đồng (Ba tỷ không trăm bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

4. Ông Nguyễn Văn H được quyền nhận tài sản là nhà và đất tại địa chỉ 332/177 Đường J(số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích được công nhận là 115,8m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà, đất ngày 16/6/2017 do Công ty TNHH Đo Đạc Xây dựng BTH lập và có nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho các đồng thừa kế ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ, ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng bộ, sang tên cho mình theo quy định của pháp luật đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đối với diện tích được công nhận là 115.8m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà, đất số nhà 332/177 Đường J(số mới: 80/30 Đường K), Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH Đo Đạc xây dựng BTH lập ngày 16/6/2017.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải thanh toán cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X.

Ông Đỗ Chí H1 chịu 92.814.448 đồng (Chín mươi hai triệu tám trăm mười bốn ngàn bốn trăm bốn mươi tám đồng).

6. Về Chi phí lập bản vẽ, thẩm định tại chỗ, định giá và thẩm định giá do ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu. Ông H đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Vĩnh C và ông Đỗ Chí H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Duy Q, ông Nguyễn Quang P và bà Nguyễn Thị Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS.TP.HCM.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu